TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - HÀ NỘI** ----------	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** ***Độc lập – Tự do – Hạnh phúc*** ----------

Bản án: 468/2026/HNGĐ - ST
Ngày: 05/5/2026
V/v: Tranh chấp Xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**: Bà Trần Thu Hà**

Hội thẩm nhân dân**: Ông Nguyễn Đình Hùng và ông Chu Bá Hữu**

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà**: Bà Nguyễn Thị Hằng** – Thư ký Toà án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Hà Nội tham gia phiên toà**: Ông Cao Đức Lộc** – Kiểm sát viên

Ngày 05/5/2026, tại Trụ sở, Toà án nhân dân khu vực 5 – Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 62/2026/TLST - HNGĐ ngày 14/01/2026 về việc "***Tranh chấp xin ly hôn***" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2026/QĐXXST - HNGĐ ngày 30/3/2026 và quyết định hoãn phiên toà số 116/2026/QĐST – HNGĐ ngày 23/4/2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị A - sinh năm 1989

Số CCCD: 03318900…. cấp ngày 25/4/2021

HKTT: thôn Y, xã Thuận An, TP. Hà Nội

Chỗ ở hiện nay: Xóm Z, thôn H, xã Mễ Sở, tỉnh Hưng Yên

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị A: Ông Nguyễn Văn Đ – Giám đốc Công ty Luật TNHH V – Đoàn luật sư TP. Hà Nội

Bị đơn: Anh Trần Xuân K – sinh năm 1987

Số CCCD: 00108703…. cấp ngày 25/4/2021

HKTT: thôn Y, xã Thuận An, TP. Hà Nội

(Chị A, anh K có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Tại đơn xin ly hôn và các lời khai tại Toà án nguyên đơn là chị Hoàng Thị A trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Trần Xuân K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Dương Quang, huyện Gia Lâm, TP. Hà Nội (nay là Ủy ban nhân dân xã Thuận An, TP. Hà Nội) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 56 ngày 24/10/2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng tôi sống cùng gia đình chồng tại địa chỉ số nhà XX ngách 121/30, Đội 4, thôn Y, xã Thuận An, TP. Hà Nội. Chúng tôi sống hòa thuận đến khoảng đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống về kinh tế và cách nuôi dậy con; vợ chồng thường xuyên xảy ra tranh cãi, không có tiếng nói chung. Chúng tôi chung sống không hạnh phúc, đến tháng 7/2025 thì mâu thuẫn trầm trọng, tôi đã dọn ra ngoài sinh sống. Chúng tôi đã ly thân từ tháng 7/2025 đến nay. Tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh K để tôi sớm ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung là Trần Bảo P - sinh ngày 17/5/2017 và Trần Long V - sinh ngày 23/9/2019. Khi ly hôn tôi có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu P, anh K trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu V, hai bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Từ khi ly thân anh K không tạo điều kiện cho tôi liên hệ hay thăm gặp các con. Tôi làm công nhân ở xưởng gốm, thu nhập hàng tháng khoảng 12 đến 15 triệu đồng/tháng. Tôi có nơi ở ổn định tại nhà bố mẹ tại Xóm Z, thôn H, xã Mễ Sở, tỉnh Hưng Yên.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chúng tôi không có tài sản chung và nợ chung nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Tôi tự nguyện chịu toàn bộ án phí theo quy định pháp luật.

Đối với anh Trần Xuân K: quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng, thông báo về quyền và nghĩa vụ cho anh K, triệu tập hợp lệ nhưng anh K không có mặt theo giấy triệu tập của tòa án.

16h ngày 23/4/2026 anh K mới có mặt tại tòa án và có lời khai thể hiện quan điểm tại tòa.

Về quan hệ tình cảm: Tôi và chị Hoàng Thị A kết hôn từ ngày 24/10/2016 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Dương Quang, huyện Gia Lâm (nay là xã Thuận An, TP. Hà Nội). Sau khi kết hôn chúng tôi chung sống bình thường, thỉnh thoảng phát sinh mâu thuẫn nhỏ.

Cách đây 5 năm tôi có tát chị A do chị A có thái độ thiếu tôn trọng tôi. Ngoài ra tôi không đánh vợ lần nào.
Gần đây, khoảng tháng 6/2025 chị A dọn ra ngoài ở riêng. Tôi cũng không rõ lý do cụ thể là gì. Chúng tôi đã sống ly thân từ đó đến nay.
Tôi đã gặp trực tiếp chị A nói chị A về nhà để giải quyết chuyện gia đình nhưng chị A không đồng ý.
Nay chị A xin ly hôn tôi không đồng ý. Tôi vẫn mong muốn hai vợ chồng đoàn tụ để nuôi dậy con cái.
Nếu chị A vẫn kiên quyết xin ly hôn tôi đề nghị tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung là Trần Bảo P – sinh ngày 17/5/2017 và Trần Long V – sinh ngày 23/9/2019. Hiện nay hai cháu đang ở cùng với tôi. Tôi đang làm công nhân, thu nhập khoảng 15 triệu đồng/tháng.

Nếu phải ly hôn, nguyện vọng của tôi là yêu cầu được nuôi cả hai con. Việc cấp dưỡng nuôi con do chị A tự nguyện, tôi không yêu cầu cụ thể.

Về tài sản chung: Chúng tôi không yêu cầu toà án giải quyết.

Công nợ: Không có

Tòa án đã xác minh tại thôn Y, xã Thuận An, TP. Hà Nội, nơi anh K và chị A sinh sống trước khi ly thân, thể hiện: Quá trình anh K và chị A chung sống, địa phương có nghe nói anh chị có mâu thuẫn nhưng từ thời gian nào và nguyên nhân mâu thuẫn là gì địa phương không biết do anh chị không thông báo với chính quyền địa phương. Nay chị A xin ly hôn với anh K, đề nghị tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Về con chung đề nghị toà án xem xét giải quyết để đảm bảo cuộc sống của các cháu.

Tại phiên tòa, chị A giữ nguyên quan điểm xin ly hôn và đề nghị HĐXX giao cháu P cho chị trực tiếp nuôi dưỡng. Anh K không đồng ý ly hôn và đề nghị HĐXX nếu phải ly hôn thì giao cả hai con chung cho anh nuôi dưỡng để đảm bảo cuộc sống ổn định cho các cháu. Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị A đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị A. Đề nghị HĐXX giao cháu P cho chị A trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; giao cháu V cho anh K trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Hà Nội tham gia phiên toà phát biểu**:

Toà án thụ lý giải quyết vụ án theo đúng quy định tại điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án đã

thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án.

Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điều 19, điều 51, điều 56, điều 58, điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016 về án phí lệ phí Tòa án.

+ Chấp nhận yêu cầu Xin ly hôn của chị Hoàng Thị A đối với anh Trần Xuân K.

+ Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Trần Bảo P - sinh ngày 17/5/2017 và Trần Long V - sinh ngày 23/9/2019. Giao cháu P cho chị A trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Giao cháu V cho anh K trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

+ Tài sản, công nợ: Không xem xét giải quyết.

+ Án phí: Chị A phải nộp án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về thủ tục tố tụng:**

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn anh Trần Xuân K đang sinh sống tại thôn Y, xã Thuận An, TP. Hà Nội. Toà án nhân dân khu vực 5 – Hà Nội thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đúng các quy định tại Chương X của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án.

*** Về quan hệ hôn nhân:** Chị Hoàng Thị A và anh Trần Xuân K kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 24/10/2016 tại UBND xã Dương Quang, huyện Gia Lâm, TP. Hà Nội; là hôn nhân hợp pháp.

Chị A và anh K đều xác định quá trình chung sống anh chị có phát sinh mâu thuẫn. Chị A đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ tháng 7/2025 đến nay. Anh

chị đã sống ly thân từ đó đến nay. Chị A xác định tình cảm vợ chồng đã hết và xin được ly hôn. Anh K đã được tòa án triệu tập hợp lệ để hoà giải nhưng không có mặt theo giấy triệu tập của tòa án, không có quan điểm, thể hiện không có thiện chí muốn hòa giải để hàn gắn tình cảm.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tiếp tục hòa giải nhưng chị A vẫn kiên quyết xin ly hôn.

Hội đồng xét xử nhận thấy cuộc sống chung giữa chị A và anh K không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hoàng Thị A với anh Trần Xuân K là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

*** Về con chung**: Anh K và chị A có 02 con chung là Trần Bảo P - sinh ngày 17/5/2017 và Trần Long V - sinh ngày 23/9/2019.

Các cháu hiện nay đang sinh sống cùng bố và có nguyện vọng được ở với bố nếu bố mẹ ly hôn.

Xét thấy mặc dù cháu P có nguyện vọng ở với bố nhưng cháu là con gái, chuẩn bị bước vào tuổi dậy thì, cần có sự chăm sóc, dạy dỗ của người mẹ. Chị A có chỗ ở và thu nhập ổn định, đầy đủ điều kiện để được trực tiếp chăm sóc con. Tại phiên tòa, chị A xuất trình tập tin nhắn giữa chị A và anh K (được anh K xác nhận tài liệu tại phiên tòa) thể hiện anh K có biểu hiện ngăn cản không cho chị thăm gặp con nên gần đây các con không được gần gũi mẹ, tình cảm cũng bị ảnh hưởng. Chị A trình bày cháu P cũng muốn ở với mẹ nhưng sợ bố không đồng ý. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu P cho chị A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Cháu V là con trai nên giao cháu V cho anh K trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Mỗi người nuôi một con nên không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

***Về tài sản chung và nợ chung:** anh K và chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Hà Nội là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

*** Về án phí:** Chị A phải nộp án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định pháp luật.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 39; khoản 4 Điều 147, điều 266; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

- Căn cứ nghị quyết số 326/2016/NQ /UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hoàng Thị A. Chị Hoàng Thị A được ly hôn với anh Trần Xuân K.

2. Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Trần Bảo P - sinh ngày 17/5/2017 và Trần Long V - sinh ngày 23/9/2019.

Sau khi ly hôn, giao cháu P cho chị A trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Giao cháu V cho anh K trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai cho đến khi hai cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc đến khi có thay đổi khác theo quy định pháp luật.

Không ai được cản trở quyền thăm gặp và chăm sóc con chung.

3. Về tài sản chung và công nợ: không yêu cầu tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị A phải chịu 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* án phí HNGĐ sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đ *(ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000747 ngày 12/01/2026 của Thi hành án dân sự TP. Hà Nội.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thu Hà

Nơi nhận:
- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND khu vực 5 – Hà Nội;
- Thi hành án dân sự TP. Hà Nội;
- UBND xã Thuận An (nơi ĐKKH ngày 24/10/2016 tại UBND xã Dương Quang, huyện Gia Lâm, TP. Hà Nội);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.